|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Lai Châu, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến,**

**giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở**

**trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA …., KỲ HỌP THỨ …..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Hoà giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

 *Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày … tháng …. năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số ……/BC-HĐND ngày …. tháng ….năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

**Điều 2. Chi công tác phí**

Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch: Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

**Điều 3. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng**

1. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hoà giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 và Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

2. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 4. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù**

1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.

2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/ tình huống đã hoàn thành.

3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 2.250.000 đồng/ câu chuyện đã hoàn thành.

4. Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia): 7.500.000 đồng/ Tiểu phẩm đã hoàn thành.

**Điều 5. Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở**

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

**Điều 6. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi*****(đơn vị tính: đồng)*** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Xây dựng đề cương |  |  |  |  |
| a | Xây dựng đề cương chi tiết | Đề cương | 1,200,000 | 960,000 | 768,000 |
| b | Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát | Đề cương hoàn chỉnh | 2,000,000 | 1,600,000 | 1,280,000 |
| 2 | Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch |  |  |  |  |
| a | Soạn thảo Chương trình, đề án, kế hoạch | Chương trình, đề án, kế hoạch | 3,000,000 | 2,400,000 | 1,920,000 |
| b | Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến | Báo cáo | 500,000 | 400,000 | 320,000 |
| 3 | Tổ chức họp, tọa đàm góp ý |  |  |  |  |
| a | Chủ trì | Người/ buổi | 200,000 | 160,000 | 128,000 |
| b | Thành viên dự | Người/ buổi | 100,000 | 80,000 | 64,000 |
| 4 | Ý kiến tư vấn của chuyên gia | Văn bản | 500,000 | 400,000 | 320,000 |
| 5 | Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch |  |  |  |  |
| a | Chủ tịch Hội đồng | Người/ buổi | 200,000 | 160,000 | 128,000 |
| b | Thành viên Hội đồng, thư ký | Người/ buổi | 150,000 | 120,000 | 96,000 |
| c | Đại biểu được mời tham dự | Người/buổi | 100,000 | 80,000 | 64,000 |
| d | Nhận xét, phản biện của Hội đồng | Bài viết | 300,000 | 240,000 | 192,000 |
| đ | Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng | Bài viết | 200,000 | 160,000 | 128,000 |
| 6 | Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch *(Đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)* | Bài viết | 500,000 | 400,000 | 320,000 |
| 7 | Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch | Văn bản | 500,000 | 400,000 | 320,000 |

**Điều 7. Chi thù lao**

Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên được thực hiện như sau:

1. Thù lao báo cáo viên pháp luật trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Ban hành mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

2. Thù lao cho người được mời tham gia là lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã: 640,000 đồng/người/buổi.

3. Thù lao tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở và người được mời tham gia khác (*ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này*): 512,000 đồng/người/buổi.

Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.

**Điều 8. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt**

1.Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày *(không quá 1 ngày)*;

2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt: 15.000 đồng/người/buổi.

**Điều 9. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi**

1.Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (*kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày)*: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan;

b) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu kỳ, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi: Thực hiện theo quy định tại khoản3 Điều này và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi:

a) Đối với các cuộc thi do cấp tỉnh tổ chức: Mức chi bằng 80% mức chi quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh;

b) Đối với các cuộc thi do cấp huyện tổ chức: Mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh;

3. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet có thêm mức chi đặc thù sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi*****(đơn vị tính: đồng)*** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| a | Thuê dẫn chương trình *(tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định nhưng không vượt mức chi sau)* | Người/ngày | 3,000,000 | 2,400,000 | 1,920,000 |
| b | Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu *(tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định nhưng không vượt mức chi sau)* | Ngày | 10,000,000 | 8,000,000 | 6,400,000 |
| c | Thuê văn nghệ, diễn viên | Người/ngày | 450,000 | 450,000 | 450,000 |

4. Chi giải thưởng*(Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tại mục này).*

a) Đối với các cuộc thi sân khấu hóa:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi*****(đơn vị tính: đồng)*** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 |  Giải nhất: |  |  |  |  |
|  | + Tập thể | Giải | 15,000,000 | 12,000,000 | 9,600,000 |
|  | + Cá nhân | Giải | 9,000,000 | 7,200,000 | 5,800,000 |
| 2 | Giải nhì: |  |  |  |  |
|  | + Tập thể | Giải | 10,500,000 | 8,400,000 | 6,700,000 |
|  | + Cá nhân | Giải | 4,500,000 | 3,600,000 | 2,900,000 |
| 3 | Giải ba: |  |  |  |  |
|  | + Tập thể | Giải | 7,500,000 | 6,000,000 | 4,800,000 |
|  | + Cá nhân | Giải | 3,000,000 | 2,400,000 | 1,900,000 |
| 4 | Giải khuyến khích: |  |  |  |  |
|  | + Tập thể | Giải | 4,500,000 | 3,600,000 | 2,900,000 |
|  | + Cá nhân | Giải | 1,500,000 | 1,200,000 | 960,000 |
| 5 | Giải phụ khác | Giải | 750,000 | 600,000 | 480,000 |

b)Đối với các cuộc thi khác: Mức chi giải thưởng cao nhất không vượt quá 80% mức giải thưởng tương ứng quy định của cuộc thi sân khấu hoá.

**Điều 10. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi*****(đơn vị tính: đồng)*** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của ngành, địa phương | Báo cáo | 75,000 | 60,000 | 48,000 |
| 2 | Báo cáo của các Sở, ngành, địa phương *(tuỳ theo tính chất mà người có thẩm quyền quyết định mức chi trả nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng/báo cáo)* | Báo cáo | 4,500,000 | 3,600,000 | 2,880,000 |

**Điều 11. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở**

1. Chi thù lao cho hòa giải viên: Đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải: 300,000 đồng/vụ,việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400,000 đồng/vụ,việc.

2. Chi hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.

3. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150,000 đồng/tổ hoà giải/tháng.

**Điều 12. Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở**

Thực hiện theo mức chi tại Điều 2 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 13. Chi xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật**

Chi xây dựng, quản lý Tủ sách pháp luật tại xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật.

**Điều 14. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí được bố trí trong nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở của địa phương và Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và trong nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương.

2. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung, mức chi khác liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này được áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số [27-NQ/TW](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-quyet-27-NQ-TW-2018-cai-cach-chinh-sach-tien-luong-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-382336.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định cụ thể một số mức chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châuhết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa ….., Kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ….. tháng ….. năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ….. tháng …….năm 2024.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội, VP Chính phủ;- Bộ Tài chính;- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Tỉnh uỷ; - Đoàn ĐBQH tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể; - Thường trực HĐND - UBND các huyện, thành phố;- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT, TH3./. | **CHỦ TỊCH****Giàng Páo Mỷ** |

 |